TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 130/2017/DS-GĐT
Ngày 25 tháng 12 năm 2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Uỷ ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Mạnh Hùng- Thẩm phán cao cấp;

Các thành viên: Ông Ngô Tiến Hùng- Thẩm phán cao cấp;

Ông Nguyễn Văn Sơn- Thẩm phán cao cấp.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bảo Thoa- Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Vũ Thị Thúy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa giám đốc thẩm để xét xử vụ án dân sự "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D sinh năm 1974;

Bị đơn: Anh Đặng Quang T sinh năm 1975;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H sinh 1975;

Các đương sự cùng trú tại: Tổ 08, thị trấn V, huyện Bắc Q, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Vũ Thị D trình bày: Ngày 16/6/2012, chị cho anh Đặng Quang T vay 46.940.000 đồng, hẹn

cuối năm trả nợ cả gốc và lãi. Sau đó, anh T không trả nên chị khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh T phải trả cho chị 46.940.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn là anh Đặng Quang T trình bày: Anh ký giấy vay ngày 16/6/2012 nhưng thực tế số tiền 46.940.000 đồng gồm 20.000.000 đồng tiền vay gốc và 26.940.000 đồng tiền lãi (trước đó anh chưa trả chị D nên ngày 16/6/2012 hai bên thống nhất cộng cả gốc và lãi để xác lập giấy vay nợ là 46.940.000 đồng). Tuy nhiên, ngày 07/01/2013, vợ chồng anh đã trả 46.940.000 đồng cho chị D trong số tiền 1.200.000.000 đồng thông qua việc anh và chị Nguyễn Thị H chuyển nhượng nhà đất của vợ chồng anh cho vợ chồng chị D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DS-ST ngày 11/8/2015, Toà án nhân dân huyện B quyết định: Buộc anh Đặng Quang T phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Vũ Thị D số tiền còn nợ là 46.940.000 đồng.

Ngày 18/8/2015, anh T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2015/DS-PT ngày 12/11/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang quyết định: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2015/DS-ST ngày 11/8/2015 của Toà án nhân dân huyện B như sau:

Xử buộc anh Đặng Quang T phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Vũ Thị D số tiền còn nợ là 46.940.000 đồng.

Ngày 23/11/2015, anh T có đơn đề nghị xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 31/2017/KN-DS ngày 18 tháng 5 năm 2017, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2015/DS-PT ngày 12/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Chánh án Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ngày 12/01/2015, chị Vũ Thị D khởi kiện anh Đặng Quang T yêu cầu anh T trả cho chị 46.940.000 đồng và xuất trình Giấy vay tiền ngày 16/6/2012 thể hiện anh T vay chị D 46.940.000 đồng, lãi suất thoả thuận. Anh T cho rằng ngày

07/01/2013, vợ chồng anh đã trả 46.940.000 đồng cho chị D trong khoản 1.200.000.000 đồng thông qua việc anh chị chuyển nhượng nhà đất của anh chị cho vợ chồng chị D.

Chị D cho rằng số tiền 1.200.000.000 đồng là chốt các khoản vay của cả hai vợ chồng chị H, anh T mà không bao gồm khoản vay 46.940.000 đồng. Vì anh T vay riêng khoản tiền này và giấy vay ngày 16/6/2012 (bản gốc) chị D vẫn giữ. Chị D xuất trình ba giấy vay tiền (bản photo): Giấy vay tiền ngày 25/7/2012 anh T, chị H vay 150.000.000 đồng kể từ ngày 25/7/2012 đến ngày 25/10/2012; Giấy vay tiền ngày 25/7/2012 anh T, chị H vay 580.000.000 đồng kể từ ngày 25/7/2012 đến ngày 25/10/2012; Giấy vay tiền ngày 25/7/2012 anh T, chị H vay 500.000.000 đồng kể từ ngày 25/7/2012 đến ngày 25/10/2012; tổng các khoản vay tại 03 giấy vay là 1.230.000.000 đồng nhưng chị D chỉ tính 1.200.000.000 đồng.

Anh T, chị H xuất trình các giấy vay tiền là bản gốc đã được gạch chéo mà chị D đưa lại cho vợ chồng anh T khi các bên thực hiện việc chốt nợ ngày 07/01/2013 gồm: Giấy vay tiền ngày 03/7/2011, chị H vay 120.000.000 đồng; Giấy vay tiền ngày 02/8/2011, chị H vay 270.000.000 đồng; Giấy vay ngày 13/9/2011, chị H vay 150.000.000 đồng; Giấy vay ngày 18/10/2011, chị H vay 100.000.000 đồng; Giấy vay ngày 23/11/2011, chị H vay 100.000.000 đồng; Giấy vay ngày 30/12/2011, anh T vay 30.000.000 đồng; Giấy vay ngày 30/12/2011, chị H vay 105.000.000 đồng; Giấy vay ngày 01/11/2011, chị H vay 150.000.000 đồng. Tổng các khoản vay tại các giấy vay nêu trên là 1.025.000.000 đồng. Ngoài ra, khi làm thủ tục công chứng sang tên nhà đất cho chị D để gạt các khoản nợ, tổng 1.200.000.000 đồng, vợ chồng anh T yêu cầu chị D trả đủ các giấy vay gốc nhưng chị D nói là để ở nhà và khẳng định có Biên bản thoả thuận ngày 07/01/2013 thể hiện việc xoá các khoản nợ rồi nên vợ chồng anh T tin tưởng chị D, không yêu cầu đòi tiếp các giấy biên nợ gốc mà chị D đang giữ.

Hơn nữa, anh T còn xuất trình Biên bản thoả thuận ngày 07/01/2013, có nội dung: Anh T, chị H vay của vợ chồng chị D, anh Đ tổng số tiền 1.200.000.000 đồng. Anh T, chị H đồng ý chuyển nhượng nhà đất hiện đang ở cho vợ chồng chị D với giá trị theo tổng số tiền mà anh T, chị H đã vay. Kể từ ngày 07/01/2013, chị D, anh Đ được nhận quyền sử dụng đất theo thoả thuận và xoá toàn bộ số tiền mà anh T, chị H đã vay và được ghi và ký nhận trên các giấy vay tiền giữa anh T, chị H và anh Đ, chị D. Hai bên không còn nợ nần nữa…

Như vậy, mặc dù chị D vẫn giữ giấy vay nợ gốc ngày 16/6/2012 đối với số tiền là 46.940.000 đồng và tổng số tiền tại các giấy nợ gốc mà anh T, chị H xuất trình là 1.025.000.000 đồng (chưa bao gồm lãi) nhưng 03 giấy vay ngày 25/7/2012 mà chị D xuất trình để chứng minh cho việc chuyển nhượng nhà đất gạt nợ 1.200.000.000 đồng là bản photo. Trong khi Biên bản thoả thuận ngày 07/01/2013 được lập sau ngày 16/6/2012 có nội dung kể từ ngày 07/01/2013 vợ chồng anh T và vợ chồng chị D không còn nợ gì nhau nữa. Do đó, chị D căn cứ vào giấy vay nợ gốc ngày 16/6/2012 để đòi vợ chồng anh T 46.940.000 đồng là chưa đủ cơ sở.

[2] Chị D còn cung cấp cho Toà án cấp sơ thẩm tin nhắn ngày 09/01/2013 từ số máy điện thoại của anh T nhắn cho chị D, anh T đang vay tiền của bạn bè hẹn sẽ trả đủ cho chị D. Anh T cũng thừa nhận tin nhắn này do anh gửi cho chị D nhưng cho rằng do anh đi công tác xa nhà, chị D ép buộc vợ và các con anh ra khỏi nhà nên anh đang vay mượn bạn bè trả 1.200.000.000 đồng cho chị D để chuộc lại nhà mà không phải là để trả cho khoản vay ngày 16/6/2012. Biên bản thoả thuận ngày 07/01/2013 các bên cũng thống nhất: Sau khi chuyển nhượng nhà đất cho chị D, gia đình anh T được ở và sinh hoạt tại căn nhà trong thời gian một tháng. Sau 03 tháng vợ chồng anh T muốn chuộc lại nhà đất thì trả cho chị D 1.200.000.000 đồng và không phải trả lãi. Lời khai của anh T phù hợp với lời chứng của bà Đỗ Thị T, ông Phạm Văn L, ông Trần Công V, ông Nguyễn Khắc B về việc chị D ép buộc chị H phải dọn nhà, chị H có báo cáo sự việc cho ông Mồng Văn Niên là tổ trưởng tổ dân phố số 8.

Toà án cấp sơ thẩm và Toà án cấp phúc thẩm nhận định sau khi lập biên bản thoả thuận về việc gạt nợ thì anh T nhắn tin hứa trả nợ cho chị D và nội dung Biên bản ngày 07/01/2013 chỉ xoá nợ cho khoản vay của cả hai vợ chồng chị H, anh T mà không thể hiện xoá nợ của cá nhân anh Tiến đã vay nên buộc anh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Dung 46.940.000 đồng là không đủ cơ sở.

[3] Sau khi nhận được Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Chi cục thi hành án dân sự huyện B có Công văn số 488/TB-CCTHADS ngày 24/5/2017 thông báo Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2015/DS-PT ngày 12/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã được thi hành. Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Công văn số 4147/TANDCC-GĐKT II ngày 24/10/2017 ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện B lấy lời khai của anh T. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện B và Đơn đề nghị ngày 31/10/2017 của anh T gửi cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có nội dung: Anh T phải chấp hành việc thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số

11/2015/DS-PT ngày 12/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang là do Cơ quan thi hành án cưỡng chế, nay anh vẫn tiếp tục đề nghị giám đốc thẩm bản án dân sự phúc thẩm nêu trên. Do đó, khi hồ sơ giao về giải quyết lại, Tòa án cần phải giải quyết hậu quả của việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, khoản 2 Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Huỷ toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2015/DS-PT ngày 12/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang về vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn là chị Vũ Thị D với bị đơn là anh Đặng Quang T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-Chánh án (để báo cáo);
-VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Giang (02 bản kèm hồ sơ vụ án);
- TAND huyện B, tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, P.HCTP-VP, P.GĐKT II; HSGĐT.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN ÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Mạnh Hùng